|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN** **TỈNH QUẢNG TRỊ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2024/NQ-HĐND | *Quảng Trị, ngày tháng năm 2024* |

 **(DỰ THẢO)**

**NGHỊ QUYẾT**

**Ban hành Quy định quản lý, sử dụng tài sản công và thẩm quyền quyết định việc mua sắm hàng hoá, dịch vụ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Trị**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ**

**KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ ....**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023;*

*Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;*

*Căn cứ Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam;*

*Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;*

*Căn cứ Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất;*

*Xét Tờ trình số….../TTr-UBND ngày…tháng….năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết ban hành quy định quản lý, sử dụng tài sản công và thẩm quyền quyết định việc mua sắm hàng hoá, dịch vụ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Trị; Báo cáo thẩm tra số….../BC-HĐND ngày…tháng…năm 2024 của Ban ... Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này quy định quản lý, sử dụng tài sản công và thẩm quyền quyết định việc mua sắm hàng hoá, dịch vụ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Trị.

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Trường hợp văn bản được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng các văn bản khác của cấp có thẩm quyền thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

4. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 31/2018/NQ-HĐND ngày 08/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định phân cấp quản lý tài sản công trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; Nghị quyết số 100/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp quản lý tài sản công trên địa bàn tỉnh Quảng Trị ban hành kèm theo Nghị quyết số 31/2018/NQ-HĐND ngày 08/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị và Nghị quyết số 31/2024/NQ-HĐND ngày 10/5/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định thẩm quyền quyết định việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Trị.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị khóa VIII, kỳ họp thứ ..... thông qua ngày ….. tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày ..... tháng 12 năm 2024./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- UBTVQH, Chính phủ;- Bộ Tài chính;- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;- VPQH, VPCP, VPCTN;- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;- Đoàn ĐBQH tỉnh;- Đại biểu HĐND tỉnh;- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND, UBND tỉnh;- Các Sở, ban, ngành tỉnh;- TT Huyện (Thành) ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN các huyện, thành phố, thị xã;- Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh;- Cổng thông tin điện tử tỉnh Quảng Trị;- Lưu: VT, KTNS. | **CHỦ TỊCH****Nguyễn Đăng Quang** |

|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN** **TỈNH QUẢNG TRỊ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**QUY ĐỊNH**

**Quản lý, sử dụng tài sản công và thẩm quyền quyết định việc mua sắm hàng hoá, dịch vụ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng trị**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số…/2024/NQ-HĐND ngày…tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị)*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Nghị quyết này quy định về thẩm quyền quyết định trong quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Trị, gồm: Mua sắm, thuê, khai thác, thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy tài sản công; quyết định giá trị của tài sản gắn liền với đất khi bán trụ sở làm việc; xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại và các hình thức xử lý tài sản công khác theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

Việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam thực hiện theo quy định riêng của cơ quan, người có thẩm quyền; các nội dung không quy định cụ thể tại quy định riêng của cơ quan, người có thẩm quyền thì được thực hiện theo quy định về quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan nhà nước (đối với cơ quan của Đảng) và quy định về quản lý, sử dụng tài sản tại đơn vị sự nghiệp công lập (đối với đơn vị sự nghiệp của Đảng) tại Nghị quyết này.

2. Nghị quyết này quy định về thẩm quyền quyết định việc mua sắm tài sản của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước đối với nguồn kinh phí thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Trị quy định tại điểm c khoản 1 Điều 91 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ.

3. Nghị quyết này quy định về thẩm quyền quyết định việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ thuộc dự toán mua sắm thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Trị quy định tại Điều 91 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ và Điều 67 Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ (sau đây gọi là việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ).

4. Nghị quyết này không điều chỉnh đối với:

Thẩm quyền quyết định việc đầu tư, mua sắm các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin, hoạt động thuê dịch vụ công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Trị quy định tại điểm b khoản 4 Điều 51 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 5/9/2019 của Chính phủ (được bổ sung bởi khoản 28 Điều 1 Nghị định số 82/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ).

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Cơ quan Nhà nước.

2. Cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận tổ quốc Việt Nam các cấp tỉnh Quảng Trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội.

4. Đơn vị sự nghiệp công lập.

5. Đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân đóng trên địa bàn tỉnh (chỉ áp dụng đối với thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ từ nguồn kinh phí mua sắm thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương).

6. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến quản lý, sử dụng tài sản công và mua sắm hàng hóa, dịch vụ.

**Điều 3. Nguyên tắc chung**

1. Việc quản lý, sử dụng tài sản công và thẩm quyền quyết định việc mua sắm hàng hoá, dịch vụ phải đảm bảo thực hiện theo đúng quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Đấu thầu, các quy định pháp luật hiện hành; phù hợp với tình hình thực tế và yêu cầu công tác quản lý tài chính, tài sản công của địa phương.

2. Quy định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức, đơn vị trong quản lý, sử dụng tài sản công; mua sắm hàng hoá, dịch vụ. Ngoài các nội dung quy định tại Quy định này, các nội dung khác về quản lý, sử dụng tài sản công và mua sắm hàng hóa, dịch vụ được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật về đấu thầu và pháp luật khác có liên quan.

3. Tài sản công, hàng hóa, dịch vụ được đầu tư, trang bị và sử dụng đúng mục đích, tiêu chuẩn, định mức, chế độ, đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm, chống lãng phí. Việc quản lý, sử dụng được thực hiện công khai, minh bạch; mọi hành vi vi phạm chế độ quản lý, sử dụng tài sản công phải được xử lý kịp thời, nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

**Chương II**

**QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG VÀ MUA SẮM HÀNG HÓA, DỊCH VỤ TẠI CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ**

**Điều 4. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công (bao gồm tài sản công là vật tiêu hao) và việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ (trừ quy định mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ tại Điều 15, 16 Quy định này)**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm đối với trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp *(bao gồm giá trị quyền sử dụng đất)*, xe ô tô tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.

2. Đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh:

a) Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định mua sắm các tài sản *(trừ các tài sản quy định tại khoản 1 Điều này)*, hàng hóa, dịch vụ phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình; từ 05 tỷ đồng trở lên/01 gói thầu mua sắm đối với các đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

b. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định mua sắm các tài sản *(trừ các tài sản quy định tại khoản 1 Điều này)*, hàng hóa, dịch vụ dưới 05 tỷ đồng/01 gói thầu mua sắm.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi chung là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện) quyết định mua sắm các tài sản *(trừ các tài sản quy định tại khoản 1 Điều này)*, hàng hóa, dịch vụ từ 05 tỷ đồng trở lên/01 gói thầu mua sắm của các cơ quan, tổ chức, đơn vịthuộc phạm vi quản lý (bao gồm cả cấp xã).

Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn quyết định mua sắm các tài sản *(trừ các tài sản quy định tại khoản 1 Điều này)*, hàng hóa, dịch vụ dưới 05 tỷ đồng/01 gói thầu mua sắm.

4. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên quyết định mua sắm tài sản *(trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô)*, hàng hóa, dịch vụ phục vụ hoạt động của đơn vị.

**Điều 5. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thuê trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp phục vụ hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.

2. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên) quyết định thuê các tài sản khác *(trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp)* phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thuê trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp phục vụ hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của huyện.

4. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên) quyết định thuê các tài sản khác *(trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp)* phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình.

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn quyết định thuê trụ sở làm việc và tài sản khác phục vụ hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của xã.

**Điều 6. Thẩm quyền quyết định khai thác tài sản công**

1. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên) quyết định việc khai thác tài sản công quy định tại điểm d, đ khoản 1 Điều 10b và điểm d, đ khoản 1 Điều 41c Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ (bổ sung bởi Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15/9/2024 của Chính phủ) tại đơn vị và của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định việc khai thác tài sản công quy định tại điểm d, đ khoản 1 Điều 10b và điểm d, đ khoản 1 Điều 41c Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ (bổ sung bởi Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15/9/2024 của Chính phủ) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Uỷ ban nhân dân cấp xã thuộc phạm vi quản lý (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên).

**Điều 7. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp *(bao gồm giá trị quyền sử dụng đất)*; xe ô tô của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định thu hồi đối với tài sản khác tại đơn vị và các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh, trừ các tài sản công quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi đối với tài sản khác, trừ các tài sản công quy định tại khoản 1 Điều này của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (bao gồm cả cấp xã).

**Điều 8. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp *(bao gồm giá trị quyền sử dụng đất)*, xe ô tô giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định điều chuyển tài sản trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này theo đề nghị của Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có liên quan, trong các trường hợp sau:

a) Giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh;

b) Từ cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quản lý sang cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện quản lý (gồm cả cấp xã) và ngược lại;

c) Từ cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện này (bao gồm cả cấp xã) sang cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện khác (bao gồm cả cấp xã).

3. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định điều chuyển tài sản công trừ trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý;

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định điều chuyển tài sản công khác trừ trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, giữa các cơ quan cấp huyện; giữa cơ quan cấp huyện với cấp xã và ngược lại; giữa cấp xã với nhau thuộc phạm vi quản lý.

**Điều 9. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công là tài sản cố định**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán đấu giá tài sản đối với nhà, đất và các tài sản khác gắn liền với đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô.

2. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định bán tài sản công là tài sản cố định tại đơn vị và các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định bán tài sản công là tài sản cố định tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (gồm cả cấp xã) trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Riêng tài sản được hình thành từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp hoặc từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo quy định (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô), người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định bán.

**Điều 10. Thẩm quyền quyết định giá trị của tài sản gắn liền với đất khi bán trụ sở làm việc**

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giá trị của tài sản gắn liền với đất khi bán trụ sở làm việc của các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc phạm vi quản lý trong trường hợp không thực hiện thanh lý tài sản gắn liền với đất trước khi tổ chức đấu giá.

**Điều 11. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công là tài sản cố định**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý tài sản công là tài sản cố định đối với:

a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp (không bao gồm quyền sử dụng đất) có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 03 tỷ đồng trở lên/01 đơn vị tài sản;

b) Xe ô tô.

2. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh quyết định thanh lý tài sản công là tài sản cố định tại đơn vị mình và các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc đối với:

a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp (không bao gồm quyền sử dụng đất) có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng đến dưới 03 tỷ đồng/ 01 đơn vị tài sản.

b) Tài sản khác trừ tài sản quy định tại điểm b khoản 1 Điều này có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thanh lý tài sản công là tài sản cố định tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện quản lý (gồm cả cấp xã) đối với:

a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp (không bao gồm quyền sử dụng đất) có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng đến dưới 03 tỷ đồng/ 01 đơn vị tài sản.

b) Tài sản khác trừ tài sản quy định tại điểm b khoản 1 Điều này có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

4. Người đứng đầu đơn vị trực thuộc các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; Người đứng đầu các đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện: Quyết định thanh lý tài sản công là tài sản cố định do cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng trừ tài sản quy định tại các khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này.

**Điều 12. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công là tài sản cố định**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tiêu hủy đối với tài sản công là tài sản cố định có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 01 tỷ đồng trở lên/01 đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh.

2. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định tiêu huỷ tài sản công là tài sản cố định có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng đến dưới 01 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản đối với đơn vị mình và các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tiêu hủy đối với tài sản công là tài sản cố định có nguyên giá theo số sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện.

4. Người đứng đầu đơn vị trực thuộc các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; Người đứng đầu các đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện: Quyết định tiêu hủy đối với tài sản công là tài sản cố định có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

**Điều 13. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công là tài sản cố định trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xử lý tài sản công là tài sản cố định trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại theo đề nghị của Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô.

2. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định xử lý tài sản công là tài sản cố định trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản khác (trừ các tài sản quy định tại khoản 1 Điều này) có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/ 01 đơn vị tài sản tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xử lý tài sản công là tài sản cố định trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản khác (trừ các tài sản quy định tại khoản 1 Điều này) có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/ 01 đơn vị tài sản tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (gồm cả cấp xã).

4. Người đứng đầu đơn vị trực thuộc các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; Người đứng đầu các đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện: Quyết định xử lý tài sản công là tài sản cố định trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản khác (trừ các tài sản quy định tại khoản 1 Điều này) có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng trở lên/ 01 đơn vị tài sản.

**Điều 14. Thẩm quyền phê duyệt phương án giao, điều chuyển tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, dự án thuộc phạm vi quản lý của địa phương; bán; thanh lý; tiêu hủy; xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản phục vụ hoạt động của các dự án sử dụng vốn nhà nước thuộc địa phương quản lý**

1. Thẩm quyền phê duyệt phương án giao, điều chuyển tài sản phục vụ hoạt động của các dự án sử dụng vốn nhà nước thuộc địa phương quản lý cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, dự án thuộc phạm vi quản lý của địa phương thực hiện theo quy định tại Điều 8 Quy định này;

2. Thẩm quyền phê duyệt phương án bán; thanh lý; tiêu hủy; xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản phục vụ hoạt động của các dự án sử dụng vốn nhà nước thuộc địa phương quản lý thực hiện theo quy định tại Điều 9, Điều 11, Điều 12, Điều 13 Quy định này.

**Điều 15. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng nguồn ngân sách nhà nước đối với nguồn kinh phí thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Trị**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc mua sắm tài sản từ nguồn ngân sách nhà nước (bao gồm cả tài sản do ngân sách nhà nước hỗ trợ một phần kinh phí) đối với gói thầu có giá trị từ 05 tỷ đồng trở lên.

2. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ (đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh; nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia giao cho tỉnh Quảng Trị quản lý) quyết định việc mua sắm tài sản từ nguồn ngân sách nhà nước (bao gồm cả tài sản do nguồn ngân sách nhà nước hỗ trợ một phần kinh phí) đối với gói thầu có giá trị trên 200 triệu đồng đến dưới 05 tỷ đồng.

3. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành cấp tỉnh và tương đương (đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở), Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện (đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở) quyết định việc mua sắm tài sản từ nguồn ngân sách nhà nước (bao gồm cả tài sản do nguồn ngân sách nhà nước hỗ trợ một phần kinh phí) như đối với việc mua sắm tài sản quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ quyết định việc mua sắm tài sản đối với gói thầu có giá trị không quá 200 triệu đồng.

**Điều 16. Thẩm quyền quyết định việc mua sắm đối với nguồn kinh phí khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Trị (bao gồm cả việc mua sắm tại cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý và cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không thuộc phạm vu quản lý của địa phương)**

1. Thẩm quyền quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ đối với nguồn kinh phí khoa học và công nghệ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện như đối với việc mua sắm tài sản quy định tại Điều 15 Quy định này.

2. Thẩm quyền quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ đối với nguồn kinh phí khoa học và công nghệ (không phải là hàng hóa, dịch vụ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ):

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ đối với gói thầu có giá trị từ 05 tỷ đồng trở lên.

b) Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ tại đơn vị mình và các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc đối với gói thầu có giá trị từ 500 triệu đồng đến dưới 05 tỷ đồng.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (bao gồm cả cấp xã) đối với gói thầu có giá trị từ 500 triệu đồng đến dưới 05 tỷ đồng.

d) Người đứng đầu đơn vị trực thuộc các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; Người đứng đầu các đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện: Quyết định việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ đối với gói thầu có giá trị dưới 500 triệu đồng.